

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/HSST

Ngày: 30/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Nguyễn Hữu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/7/2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2019/TLST - HS ngày 27/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST - HS ngày 16/7/2019 đối với các bị cáo:

1. Lã Văn H, sinh năm 1985; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Lã Văn H và bà Trịnh Thị N; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: 11/9/2013 bị TAND huyện B xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, ngày 26/4/2017 chấp hành xong bản án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/5/2019, tạm giam từ ngày 09/6/2019; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Trịnh Văn T, sinh năm 1971; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trịnh Văn G và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/5/2019, tạm giam từ ngày 09/6/2019; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

*** Người bị hại:** Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

*** Những người làm chứng:**

- Ông Cao Văn V, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

- Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1962; (Vắng mặt)

- Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1962; (Có mặt)

Đều có địa chỉ cư trú tại: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm x, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Tiến Đ có máy gặt lúa thuê cho các hộ dân. Ngày 23/5/2019 ông Đ đến gặt lúa cho ông Cao Văn V và được ông V giới thiệu gặt thuê cho một số hộ dân ở cánh đồng của thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo Lã Văn H và Trịnh Văn T biết việc ông Đ gặt thuê nên rủ nhau đi ra đồng lúa để đe dọa, ngăn cản không cho ông Đ gặt lúa với mục đích bắt ông Đ phải đưa tiền thì mới được tiếp tục gặt thuê. Khi đi ra khu vực cánh đồng nơi ông Đ và những người làm thuê cho ông Đ là các anh Hoàng Văn L, Nguyễn Xuân S đang điều khiển máy gặt thì H đi đến gần vị trí ông Đ rồi nói “*Thằng chó này mày thích chết à, gặt nốt mảnh này mang máy về ngay không tao đánh mày chết*”. H cầm 01 chiếc điều cày bọc ngoài bằng inox của ông V mang ra để hút thuốc ấn vào cầm ông Đ và tiếp tục đe dọa đánh ông Đ thì được ông V, ông Trịnh Văn T và một số người dân đang đứng xem gặt lúa can ngăn nên H và T đi về. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H tiếp tục cầm 01 con dao dài khoảng 20cm, rộng khoảng 5cm đến chỗ máy gặt của ông Đ đang gặt nhưng không gặp ông Đ thì H chửi và đe dọa các anh L, S rồi đi về. Khoảng 09 giờ ngày 24/5/2019, H mang theo 01 khẩu súng hơi tự chế điều khiển xe mô tô BKS 90B2-553.xx chở T đi bắn chim rồi đến nhà ông V. Tại đây, H nhờ ông V đi gọi ông Đ đến nói chuyện. Ông V đồng ý, đi ra đồng bảo ông Đ về nhà ông V để nói chuyện với H và T. Tại nhà ông V, H nói với ông Đ “*Bây giờ phải đưa tôi 4 triệu thì mới được gặt*”, ông Đ nói “*Mới gặt được hơn chục mẫu, 4 triệu thì không có đâu, chỉ có 2 triệu thôi*”, H nói “*Không 4 triệu thì đưa 3 triệu đây*”, ông Đ nói lại với H là chỉ có 2.000.000 đồng thì H đồng ý, nhưng lúc đó ông Đ chưa có tiền nên H và T bảo ông Đ gửi tiền cho ông V để tối đến lấy. Sau đó, H và T đi về, ông Đ tiếp tục ra ruộng để gặt lúa. Khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, T đến nhà gặp H, H bảo T đi lấy tiền của ông Đ thì T mượn H chiếc xe mô tô BKS 90B2-553.xx đi đến nhà ông V để lấy tiền. Đến nơi, ông V nói không biết chuyện tiền nong gì thì T mượn điện thoại và nhờ ông V bấm số thuê bao của ông Đ để T gọi nói chuyện với ông Đ.

Qua điện thoại, ông Đ nói đang bận và bảo T đến chỗ máy gặt lấy tiền thì T trả điện thoại cho ông V và điều khiển xe đi. Khi đến nơi, T dừng xe cách vị trí máy gặt của ông Đ khoảng 20m rồi gọi thì ông Đ đi ra gặp và đưa cho T 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. T điều khiển xe mô tô cầm số tiền về đưa cho H.

Ngày 25/5/2019, ông Đ làm đơn và đến Công an xã A trình báo sự việc. Ngày 30/5/2019, Công an xã A đã báo cáo, chuyển hồ sơ tố giác của ông Đ đến cơ quan CSĐT Công an huyện B. Ngày 31/5/2019, các bị cáo Lã Văn H và Trịnh Văn T đã đến Công an huyện B đầu thú, khai nhận hành vi đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của ông Đ như đã nêu ở trên.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị cáo nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS-SH ngày 25/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị can Lã Văn H và Trịnh Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên các bị cáo Lã Văn H và Trịnh Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17; Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H. Xử phạt bị cáo H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Xử phạt bị cáo T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điều cày. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe mô tô BKS 90B2-553.xx; trả lại chị Trần Thị Đ chiếc xe và đăng ký xe; buộc chị Đ nộp $\frac{1}{2}$ trị giá xe để sung ngân sách Nhà nước; tiếp tục tạm giữ chiếc xe và đăng ký xe để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo H, T đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản như nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa ông Đ trình bày: Việc ông bị bị cáo H đe dọa làm anh sợ hãi phải đưa 2.000.000 đồng cho bị cáo T đúng như nội dung vụ án đã nêu. Ông đề nghị xử lý các bị cáo đúng quy định của pháp luật. Về tránh nhiệm dân sự, ông không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đ trình bày: Chị là vợ bị cáo Lã Văn H, hai người có đăng ký kết hôn. Chiếc xe mô tô BKS 90B2-553.xx là tài sản chung của vợ chồng mua đầu năm 2018. Việc chồng chị dùng chiếc xe đi lấy tiền của ông Đ chị không biết. Chị đề nghị được nhận lại chiếc xe theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố

tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tổ tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi tổ tụng, quyết định tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] - Về tội danh: Hành vi dùng lời nói và các hung khí nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần đối với ông Nguyễn Tiến Đ tại cánh đồng của thôn x xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam của các bị cáo Lã Văn H, Trịnh Văn T vào ngày 23/5/2019 làm ông Đ lo sợ phải đưa cho các bị cáo 2.000.000 đồng vào ngày 24/5/2019 đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú” theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

- Trong vụ án, bị cáo H là đối tượng khởi xướng, trực tiếp có hành vi đe dọa dùng vũ lực nhằm uy hiếp tinh thần của ông Đ, trực tiếp yêu cầu số lượng tiền ông Đ phải đưa nên giữ vai trò người tổ chức và thực hành; bị cáo T đi cùng bị cáo H, trực tiếp đi lấy tiền của ông Đ về đưa cho H nên giữ vai trò người giúp sức.

- Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Các bị cáo là những đối tượng nghiện ma túy, với mục đích chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị phạt tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nhưng không chịu rèn luyện mà tiếp tục phạm tội.

Trong thời gian vừa qua việc đưa máy móc phục vụ trong công tác thu hoạch lúa đã giúp bà con nông dân đỡ vất vả. Tuy nhiên ở một số nơi đã có những đối tượng chơi bời lêu lổng có những hành vi đe dọa những người có máy buộc phải đưa tiền mới được làm như các bị cáo đã thực hiện, đây là hiện tượng “bảo kê” trong nông nghiệp, cản trở sản xuất, gián tiếp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà con nông dân, gây mất trật tự trị an và bức xúc lớn trong nhân dân. Do đó Hội đồng xét xử thấy phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định mức hình phạt; Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét tại biên bản xác minh tài sản đã xác định các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho ông Đ 2.000.000 đồng, ông Đ đã nhận đủ số tiền nêu trên và không có yêu cầu giải quyết bồi thường dân sự do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: Xét chiếc điều cây bị cáo H dùng để uy hiếp ông Đ là tài sản của ông V nhưng ông V không yêu cầu lấy lại, là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 90B2 – 553.xx theo Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL - HĐĐG ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Hà Nam có trị giá 29.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo H; khi bị cáo H dùng làm phương tiện đi đe dọa và lấy tiền của ông Đ thì chị Trần Thị Đ là vợ bị cáo không biết. Do chị Đ đề nghị được trả lại chiếc xe vì vậy Hội đồng xét xử tịch thu $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe để sung ngân sách Nhà nước, tương đương với số tiền là 29.000.000 đồng : 2 = 14.500.000 đồng; trả lại chị Đ chiếc xe và 01 đăng ký xe; buộc chị Đ phải nộp 14.500.000 đồng sung ngân sách Nhà nước; tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô BKS 90B2-553.xx và đăng ký xe để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[7] Tình tiết khác: Đối với ông Cao Văn V đã có hành vi gọi ông Đ đến nhà để các bị cáo nói chuyện, đồng thời 02 lần cho bị cáo T mượn điện thoại để T liên lạc với ông Đ. Tuy nhiên, ông V chỉ biết giữa các bị cáo và ông Đ xảy ra mâu thuẫn, việc làm của ông V với mục đích để các bên hòa giải với nhau vì ông V là người đã gọi ông Đ tới gặt lúa còn các bị cáo là người cư trú cùng thôn với ông V. Bản thân ông V là người đã trực tiếp can ngăn khi H, T đe dọa đánh ông Đ. Bà Trịnh Thị N mẹ của bị cáo H là người cầm 2.000.000 đồng mà các bị cáo chiếm đoạt của ông Đ nhưng bà N không biết nguồn gốc số tiền nêu trên, khi bị cáo H đưa tiền thì chỉ nhờ bà N trả lại cho ông Đ. Do đó, hành vi của ông Cao Văn V và bà Trịnh Thị N không có dấu hiệu của tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17; Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lã Văn H và Trịnh Văn T.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lã Văn H.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Lã Văn H và Trịnh Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. - Xử phạt bị cáo Lã Văn H **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (31/5/2019).

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T **02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (31/5/2019).

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc điều cày. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe mô tô BKS 90B2 – 553.xx. Buộc chị Trần Thị Đ nộp 14.500.000 đồng tương đương $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe mô tô BKS 90B2 – 553.xx để sung ngân sách Nhà nước. Trả chị Trần Thị Đ chiếc xe mô tô BKS 90B2 – 553.xx và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0929xx mang tên Lã Văn H nhưng tiếp tục tạm giữ chiếc xe và giấy đăng ký để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Các vật chứng được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. (*Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0929xx mang tên Lã Văn H lưu trong hồ sơ vụ án*)

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lã Văn H và Trịnh Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai; báo cho các bị cáo; ông Đ, chị Đ biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)